**QUY CHẾ**

**quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin diện rộng**

**trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1955-QĐ/TU ngày 25/5/2020*

*của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

Chương I

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định các nội dung quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh nhằm bảo đảm hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, hiệu quả và bảo đảm an toàn an ninh thông tin

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối các cơ quan, tổ chức đảng và cá nhân có kết nối, sử dụng mạng thông tin diện rộng của Đảng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*1. Mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh* là thành phần thuộc hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng Cộng sản Việt Nam, gồm các mạng máy tính nội bộ của các cơ quan đảng tại Trụ sở Tỉnh ủy kết nối đến các huyện, thị, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; ***không kết nối với mạng Internet dưới mọi hình thức***.

*2. Trung tâm dữ liệu* là nơi tập hợp các thiết bị phụ trợ, thiết bị kết nối mạng tập trung, các máy chủ cài đặt các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng dùng chung, các hệ thống sao lưu dữ liệu tập trung, các hệ thống kiểm soát, giám sát, bảo đảm an toàn thông tin và do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, vận hành.

*3. Hạ tầng kỹ thuật* là tập hợp các thiết bị tính toán, lưu trữ, thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ, đường truyền, mạng nội bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN).

*4. Hệ thống thông tin* là tập hợp phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập để phục vụ mục đích tạo lập, thu thập, gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý khác đối với thông điệp dữ liệu.

*5. Cơ sở dữ liệu* là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

*6. Mạng truyền số liệu chuyên dùng* là mạng truyền dẫn dùng riêng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước.

*7. Mã độc* là phần mềm có khả năng gây ra hoạt động không bình thường cho một phần hay toàn bộ hệ thống thông tin hoặc thực hiện sao chép, sửa đổi, xóa bỏ trái phép thông tin lưu trữ trong hệ thống thông tin.

*8. An toàn thông tin mạng* là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

*9. Thiết bị lưu giữ an toàn* là thiết bị có tính năng mã hóa và phòng, chống lây nhiễm mã độc, được sử dụng để bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước khi lưu giữ, sao chép trên các thiết bị điện tử do Ban Cơ yếu Chính phủ sản xuất.

**Điều 4. Nguyên tắc tổ chức mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh**

1. Mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh được tổ chức theo mô hình quản lý tập trung, tuân thủ Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng. Theo đó, các máy chủ, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức đảng trong toàn tỉnh được đặt tại Trung tâm dữ liệu, bảo đảm việc quản lý, trao đổi, cập nhật, khai thác, lưu trữ và xử lý thông tin thuận tiện, an toàn đối với người sử dụng.

2. Trung tâm dữ liệu bảo đảm các yêu cầu như: Độ tin cậy và tính sẵn sàng; bảo đảm an toàn hệ thống, an ninh thông tin; sử dụng hiệu quả mặt bằng; tiết kiệm chi phí đầu tư và chi phí vận hành; có thể mở rộng nâng cấp dễ dàng; phù hợp với Kiến trúc hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và truyền thông của các cơ quan đảng và do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, vận hành.

3. Mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng để kết nối từ Trung ương đến Trung tâm dữ liệu, từ Trung tâm dữ liệu đến các mạng máy tính nội bộ của các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh; sử dụng các giải pháp, sản phẩm mật mã của Ban Cơ yếu Chính phủ để xác thực, bảo mật dữ liệu trên môi trường mạng.

4. Không kết nối trực tuyến mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh với mạng Internet dưới bất cứ hình thức nào; máy tính có kết nối với mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh không được kết nối đồng thời hoặc luân phiên với mạng Internet hoặc các mạng khác và ngược lại; không sử dụng máy tính xách tay để kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh.

5. Không sử dụng giải pháp truyền dẫn không dây để kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh; không sử dụng các thiết bị thu, phát sóng không dây kết nối vào các máy tính tham gia vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh.

6. Việc kết nối mạng máy tính của các cơ quan, tổ chức khác vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh được thực hiện khi các mạng máy tính đó đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và tuân thủ Quy chế này.

**Điều 5. Phát triển, duy trì hoạt động của mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh**

1. Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo phát triển và duy trì hoạt động của mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức có mạng máy tính kết nối với mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh có trách nhiệm đầu tư, phát triển, duy trì hoạt động mạng máy tính tại cơ quan, đơn vị mình; bảo đảm kết nối thông suốt, bảo đảm an toàn thông tin với mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh; quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên mạng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh.

Chương II

**QUẢN LÝ MẠNG THÔNG TIN DIỆN RỘNG**

**TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CỦA TỈNH**

 **Điều 6. Nguyên tắc quản lý mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh**

1. Mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được sử dụng đúng mục đích, thiết thực, hiệu quả, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

2. Tổ chức, cá nhân kết nối mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh chịu trách nhiệm về thiết bị được giao quản lý, sử dụng; nội dung thông tin cung cấp, khai thác, trao đổi, lưu giữ trên mạng; bảo vệ tài liệu, thông tin bí mật của Đảng và Nhà nước theo quy định.

3. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin hoặc người được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành mạng máy tính của cơ quan chịu trách nhiệm bảo đảm về kỹ thuật phục vụ việc quản lý, vận hành, sử dụng, bảo vệ mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh.

**Điều 7. Trách nhiệm quản lý mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh**

*a) Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm*

1. Trực tiếp tổ chức quản lý, vận hành, sử dụng, bảo vệ mạng thông tin diện rộng và Trung tâm dữ liệu.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc kết nối với mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh, cung cấp, sử dụng các dịch vụ hệ thống, quản lý tài khoản người dùng trên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng.

3. Thường xuyên theo dõi cập nhật thông tin về tình hình hoạt động của toàn bộ hệ thống mạng thông tin diện rộng và Trung tâm dữ liệu.

4. Theo dõi, giám sát, phát hiện, ngăn chặn những truy cập trái phép vào hệ thống mạng, Trung tâm dữ liệu; cập nhật cơ sở dữ liệu cho hệ thống phòng chống mã độc của toàn hệ thống; sao lưu, phục hồi dữ liệu của các máy chủ tại Trung tâm dữ liệu; kiểm tra các thiết bị, dữ liệu lưu trữ để phát hiện và xử lý các sự cố kỹ thuật; đề xuất phương án nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm hệ thống hoạt động liên tục, ổn định.

5. Chủ trì tổ chức, hướng dẫn và khắc phục sự cố trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh kịp thời, nhanh chóng.

6. Chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác quản lý vận hành mạng thông tin diện rộng và Trung tâm dữ liệu.

7. Tham mưu việc đầu tư, phát triển, duy trì hoạt động của mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh và Trung tâm dữ liệu bảo đảm hoạt động liên tục, ổn định, tin cậy và an toàn.

*b) Các cơ quan, tổ chức có mạng máy tính kết nối với mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh có trách nhiệm*

1. Tuân thủ nguyên tắc tổ chức mạng nêu tại ***Điều 4*** của Quy chế này.

2. Quản lý chặt chẽ người sử dụng, thiết bị, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin và bảo mật thông tin cung cấp, trao đổi, lưu giữ trên mạng; định kỳ kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, vận hành mạng.

3. Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện đầu tư, nâng cấp, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, phần mềm, duy trì hoạt động ổn định, liên tục, an toàn mạng máy tính của cơ quan, tổ chức; kết nối thông suốt với mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Chương III

**CÁC DỊCH VỤ, ỨNG DỤNG TRÊN MẠNG THÔNG TIN DIỆN RỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CỦA TỈNH**

**Điều 8. Các dịch vụ hệ thống**

1. Dịch vụ bảo đảm kết nối, trao đổi, khai thác và xử lý dữ liệu, gồm: Phân giải tên miền (DNS), thư điện tử, web, điều khiển từ xa (SSH), truyền tệp (FTP), lưu trữ đám mây (cloud), các hệ quản trị cơ sở dữ liệu, hội nghị trực tuyến, kết nối mạng có bảo mật (VPN).

2. Dịch vụ bảo đảm an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu, gồm: Chuyển đổi địa chỉ IP (NAT), lưu trữ và cung cấp dữ liệu tại chỗ (Caching), phát hiện và ngăn chặn truy nhập trái phép (IDS/IPS), giám sát truy nhập mạng và ứng dụng, sao lưu và khôi phục dữ liệu, phòng chống mã độc, chứng thực chữ ký số, quản lý và phân phối khoá mã mật, dịch vụ mã mật.

3. Dịch vụ hệ thống chỉ được sử dụng để phục vụ việc quản lý hạ tầng kỹ thuật, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo vệ và bảo mật các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng.

**Điều 9. Quản lý, sử dụng các dịch vụ hệ thống**

1. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì tổ chức cung cấp, quản lý, vận hành các dịch vụ hệ thống.

2. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh, quản lý và bàn giao khóa mật mã, thực hiện mã mật; giám sát an toàn thông tin trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh theo các hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Cơ yếu Chính phủ.

3. Các cơ quan tham gia kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, sử dụng các dịch vụ hệ thống trên mạng máy tính của cơ quan và mạng thông tin diện rộng của đảng theo quy chế này; quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã theo quy định.

4. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi sử dụng các dịch vụ hệ thống theo nhiệm vụ được giao phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, sử dụng các dịch vụ hệ thống theo quy chế này.

**Điều 10. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng**

1. Hệ thống thư điện tử.

2. Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.

3. Hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức - Xây dựng đảng.

4. Hệ thống thông tin chuyên ngành Kiểm tra Đảng.

5. Cơ sở dữ liệu Văn kiện Đảng và Mục lục Hồ sơ lưu trữ.

6. Cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên.

7. Các phần mềm quản trị, sao lưu dữ liệu, phòng chống mã độc, giám sát an toàn hệ thống mạng.

8. Các phần mềm, ứng dụng nội bộ khác.

**Điều 11. Quản lý, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng**

1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, vận hành, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng do các cơ quan đảng ở Trung ương chuyển giao để sử dụng thống nhất trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

3. Các cơ quan kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo mật các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng trên mạng máy tính của cơ quan, đơn vị và mạng thông tin diện rộng của các cơ quan đảng tỉnh.

Chương IV

**BẢO VỆ MẠNG THÔNG TIN DIỆN RỘNG**

**TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CỦA TỈNH**

**Điều 12. An toàn thông tin**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khi tham gia quản lý, vận hành, cập nhật, lưu giữ, trao đổi và khai thác thông tin, dữ liệu trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh phải tuân thủ các quy định của Đảng, Nhà nước, pháp luật liên quan và các quy định sau:

1. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng triển khai trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

2. Thông tin trao đổi và lưu trữ trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh: ở cấp độ ***“Thường”*** không cần phải mã mật; thông tin có độ ***“Mật”*** phải được mã mật bằng sản phẩm mật mã của Ngành Cơ yếu; thông tin trao đổi có độ ***“Tối mật”*** và ***“Tuyệt mật”*** phải do bộ phận nghiệp vụ Cơ yếu mã mật, gửi, nhận.

3. Cấm truy cập trái phép vào các máy chủ, thiết bị, hệ thống thông tin để phá hoại, sao chép, lưu giữ, trao đổi các dữ liệu không thuộc thẩm quyền; không được tiết lộ thông số, tài liệu kỹ thuật về mạng; phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ bí mật tài khoản, mật khẩu, thiết bị lưu giữ an toàn, thiết bị lưu khoá bí mật được cấp.

4. Cấm chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài khoản của người khác để truy cập, khai thác thông tin.

5. Cấm sử dụng mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh để lưu trữ, lan truyền, phát tán các thông tin nhằm chống phá các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phát tán mã độc, thư rác.

6. Cấm soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

7. Cấm chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác như: Đĩa cứng gắn ngoài, USB, thẻ nhớ… đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước khi chưa loại bỏ bí mật nhà nước.

8. Việc sao chép dữ liệu từ máy tính kết nối Internet, các máy tính khác vào máy tính kết nối trong mạng thông tin diện rộng của các cơ quan đảng tỉnh phải được thực hiện bằng ***thiết bị lưu giữ an toàn***; trước khi kết nối phải được kiểm tra mã độc *(nếu có)*.

9. Không tự ý cài đặt các phần mềm vào các máy tính; không kết nối các thiết bị có tính năng thu phát sóng không dây như: USB kết nối Internet (3G, 4G…), USB Wifi, điện thoại thông minh, máy in có tính năng kết nối không dây… vào các máy tính, hệ thống mạng thuộc mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh.

10. Khi có sự cố hỏng hóc về thiết bị phần cứng, phần mềm phải báo cán bộ phụ trách công nghệ thông tin hoặc người được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành mạng máy tính của cơ quan tiến hành kiểm tra, khắc phục. Trong trường hợp mang ra ngoài để sửa chữa, bảo hành, phải tháo đĩa cứng, các thiết bị lưu trữ khác cất giữ an toàn tại cơ quan.

**Điều 13. An toàn hệ thống**

1. Hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; phải được xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì hoạt động, đáp ứng các yêu cầu an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật và của Đảng.

2. Trung tâm dữ liệu được bố trí phòng riêng độc lập, bảo đảm an ninh và được trang bị các thiết bị, hệ thống phụ trợ *(điều hòa nhiệt độ, hệ thống cấp điện, lưu điện; hệ thống chống sét trực tiếp, lan truyền qua đường điện; hệ thống báo cháy, chống cháy; hệ thống khóa cửa, camera an ninh; máy hút ẩm...)* đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; các hệ thống phần mềm, thiết bị phải được cập nhật các bản vá lỗi thường xuyên.

3. Các mạng máy tính nội bộ của các cơ quan, tổ chức tham gia kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh phải bảo đảm: Thiết bị, phần mềm có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; kiểm tra về an toàn, an ninh thông tin; định kỳ kiểm tra, rà soát, cập nhật, nâng cấp, thay thế để bảo đảm an toàn thông tin.

4. Máy tính trước khi kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh phải được cán bộ phụ trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị kiểm tra an ninh, cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và thiết lập cơ chế cập nhật tự động mẫu nhận dạng tại Trung tâm dữ liệu.

5. Những người không có trách nhiệm không được tham gia cài đặt các phần mềm, kết nối các thiết bị phần cứng vào máy tính, hệ thống mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh mà phải do cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin hoặc người được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành mạng máy tính của cơ quan trực tiếp thực hiện.

6. Không tự ý lắp đặt, cài đặt hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật các phần mềm, ứng dụng đang sử dụng trong mạng máy tính của cơ quan và trên mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh.

**Điều 14. Sao lưu, bảo vệ dữ liệu**

1. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu phải được sao lưu định kỳ; dữ liệu sao lưu phải được quản lý, bảo vệ độc lập với hệ thống hiện hành; định kỳ kiểm tra kết quả sao lưu, bảo vệ, khôi phục dữ liệu.

2. Dữ liệu trên các máy tính cá nhân người dùng tự thực hiện sao lưu.

3. Các thiết bị lưu giữ dữ liệu phải được quản lý và tiêu hủy đúng quy định, bảo đảm an toàn tuyệt đối, không để lộ lọt thông tin.

**Điều 15. Bảo trì, bảo dưỡng**

1. Văn phòng Tỉnh ủy chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và Trung tâm dữ liệu ít nhất 06 tháng 01 lần, bảo đảm hệ thống hoạt động liên tục, ổn định và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Quá trình bảo trì, bảo dưỡng phải thực hiện theo đúng quy trình và không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến quá trình xử lý, cập nhật, khai thác và trao đổi thông tin trên toàn hệ thống. Nếu dừng hoạt động hệ thống để bảo dưỡng, phải thông báo đến các cơ quan ít nhất 02 ngày làm việc *(trừ trường hợp bất khả kháng)*.

2. Các cơ quan tham gia kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh, hàng năm phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng nội bộ để hệ thống hoạt động liên tục, ổn định và bảo đảm an toàn thông tin.

**Điều 16. Phòng chống mã độc**

1. Máy tính tham gia kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc do Văn phòng Tỉnh ủy cung cấp, được thiết lập cơ chế cập nhật tự động mẫu nhận dạng tại Trung tâm dữ liệu; khi phát hiện máy tính bị nhiễm mã độc cần phải cô lập ra khỏi hệ thống mạng, kiểm tra, xử lý trước khi kết nối lại vào hệ thống.

2. Cán bộ phụ trách công nghệ thông tin hoặc người được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành mạng máy tính của cơ quan chủ động kiểm tra, kịp thời cập nhật các bản vá lỗi hệ thống, phần mềm, hệ điều hành và mẫu nhận dạng mã độc.

**Điều 17. Khắc phục sự cố máy tính, mạng máy tính**

Các cơ quan, tổ chức có mạng máy tính kết nối với mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh phải thực hiện những nội dung sau:

1. Phân công trách nhiệm, phối hợp khắc phục sự cố, bảo đảm sự cố được khắc phục trong thời gian ngắn nhất; giảm thiểu tối đa khả năng lặp lại sự cố.

2. Thông báo kịp thời với Văn phòng Tỉnh ủy khi có sự cố và kết quả khắc phục sự cố, nếu cần thiết đề nghị Văn phòng Tỉnh ủy tham gia phối hợp khắc phục sự cố.

3. Chủ động sử dụng kinh phí được cấp để đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo nhu cầu phụ vụ công tác; cử cán bộ phụ trách công nghệ thông tin hoặc được giao quản lý, vận hành hệ thống mạng tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ thông tin; có trách nhiệm bảo đảm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, nhanh chóng xử lý, khắc phục sự cố.

Chương V

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức**

1. Các cơ quan, tổ chức tham gia kết nối vào mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi, quyền hạn; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này; báo cáo tình hình thực hiện quy chế tại cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

2. Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện quy chế này.

**Điều 19. Trách nhiệm của cá nhân**

Cá nhân được phép tham gia kết nối, sử dụng mạng thông tin diện rộng trong các cơ quan, tổ chức đảng của tỉnh có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy chế này. Mọi vi phạm, tùy theo mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Văn phòng Tỉnh ủy để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

\_\_\_\_\_